

Đổi mới giáo dục theo hướng mở và hội nhập quốc tế

Nguyễn Thị Lan Phương

Email: lanphuongvkhgdvn@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Trong xu thế toàn cầu hóa, bất kì nền giáo dục nào cũng không thể đứng riêng lẻ mà phải hội nhập, không thể khép kín mà phải tương tác với môi trường quốc tế. Tư tưởng chủ đạo của UNESCO là xây dựng bốn trụ cột “Học để biết, học để làm việc, học để làm người, học để chung sống với nhau” và xây dựng nền giáo dục “Mọi người đều được học và học suốt đời”. Đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng mở và hội nhập quốc tế được ngành Giáo dục triển khai như sau: Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở và hội nhập quốc tế; Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục để đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng hội nhập; Đổi mới chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực; Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; Đổi mới công tác quản lí giáo dục theo hướng mở và hội nhập quốc tế; Tăng cường ứng dụng ICT trong quản lí giáo dục và giảng dạy; Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học theo hướng quốc tế; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước đối với các hoạt động đổi mới giáo dục.

TỪ KHÓA: Giáo dục mở, hội nhập quốc tế, hội nhập quốc tế về giáo dục, đổi mới giáo dục.

→ Nhận bài 30/11/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/12/2021 → Duyệt đăng 15/01/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220101>

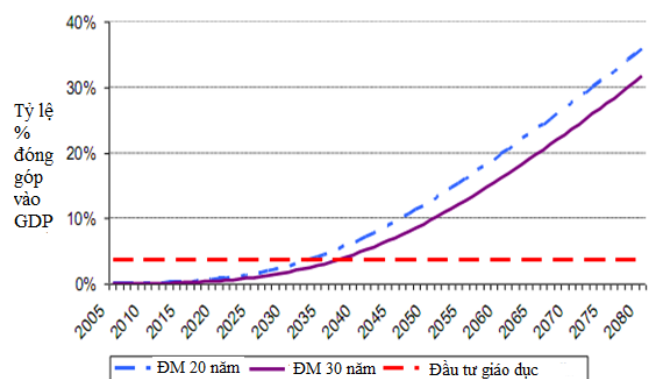
1. Đặt vấn đề

Từ những năm cuối thế kỉ XX, nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã tiến hành các nghiên cứu về thách thức, xu thế cho giáo dục (GD) toàn cầu thế kỉ XXI. SEAMEO INNOTECH đưa ra bức tranh toàn cảnh mà GD Đông Nam Á năm 2015 phải đối mặt: 1/ Sự phát triển kinh tế tri thức, công nghiệp hóa, viễn thông và vận tải; 2/ Sự xuống cấp của môi trường sinh thái và cạn kiệt tài nguyên; 3/ Sự gia tăng dân số, chủ nghĩa dân tộc; 4/ Tìm kiếm sự ổn định chính trị; tăng cường tính dân chủ, tính liên kết chính trị và kinh tế trong khu vực (Pacita I. Habana, 1993).

Các chuyên gia (Thái Lan, Nhật Bản, Hồng Kông, Hà Lan, Anh, Hi Lạp, Hung-ga-ry, Đức, Hoa Kỳ, Canada) trong dự án *Multi-dimensional Citizenship: Educational Policy for the Twenty-first Century* đưa ra các thách thức sau: 1/ Sự gia tăng khoảng cách kinh tế giữa các quốc gia, sự bất bình đẳng về điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin, chi phí cho nước sạch, dân số và trẻ em nghèo đói; 2/ Sự xuống cấp của môi trường sống, chất lượng nước, đất và nước; 3/ Gia tăng xung đột quyền lợi giữa các nước phát triển và đang phát triển do suy thoái môi trường (John J. Cogan, 1997).

Mỗi thách thức nói trên đặt ra hàng loạt vấn đề mà GD phải giải quyết để công dân toàn cầu có đủ khả năng đối mặt. GD có lí do để tồn tại và có sức sống là từ kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học,... Những thay đổi ở các lĩnh vực này tác động tới GD đồng thời chúng cũng bị ảnh hưởng bởi những cải cách từ GD. Nhiều nhà kinh tế nhân mạnh, đầu tư cho các dự án *đổi mới GD* sẽ giúp

phục hồi kinh tế trong thời hạn ngắn và lại có tác động lâu dài bởi sự nghiệp đổi mới quốc gia phụ thuộc vào những con người sáng tạo mà kiến thức, kĩ năng và năng lực của họ phần lớn đều được phát triển trong GD (Janet W. Looney, 2009). Nhất là khi đối mặt với khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu năm 2007, hầu hết các quốc gia đều nhận thấy, đổi mới GD càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Hình 1 chẩn đoán sự ảnh hưởng của cải cách GD (20 hoặc 30 năm) đến tỉ lệ đóng góp vào GDP quốc gia sau 35 năm kết thúc cuộc cải cách (Eric A. Hanushek 2009 mô phỏng trên cơ sở dữ liệu của Hoa Kỳ, Đức, OECD, Đông Nam Á, Mexico, Chile, ...).



(Nguồn: First READ Global Conference)

Hình 1: Chẩn đoán ảnh hưởng của đổi mới GD đến tỉ lệ gia tăng GDP quốc gia

Khát vọng của Việt Nam đến năm 2035 là: “Một xã

hội thịnh vượng, hiện đại, sáng tạo và dân chủ, một nhà nước pháp quyền hiệu quả và đảm bảo trách nhiệm giải trình, một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng các quốc gia trên toàn cầu; một môi trường bền vững, một xã hội văn minh, ..." (Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016). Để chuẩn bị tâm thế cho con người Việt Nam có khả năng thực hiện những khát vọng đó, đổi mới GD và đào tạo (GD&ĐT) theo hướng mở và hội nhập quốc tế được ngành GD xác định là một trong những giải pháp quan trọng. Bài viết này đề cập đến một số xu hướng đổi mới GD thế giới và giải pháp đổi mới GD Việt Nam theo hướng mở và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Xu thế đổi mới giáo dục theo hướng mở và hội nhập

Phân tích nhiều hệ thống GD có thể thấy, sự chuyển đổi lớn từ hệ thống GD quan liêu sang hệ thống GD hiện đại với một số đặc điểm cơ bản như: Từ hệ thống khép kín (có ít sự tương tác với môi trường) sang hệ thống mở (tương tác chặt chẽ với các hệ thống khác và môi trường); Từ đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu quốc gia sang đáp ứng các tiêu chuẩn cao quốc tế; Từ phát triển lớp người tương tự nhau sang phát triển sự đa dạng cá nhân; Từ nói về sự công bằng sang thực hiện công bằng; Từ phân chia ranh giới sang cộng tác, hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp;...

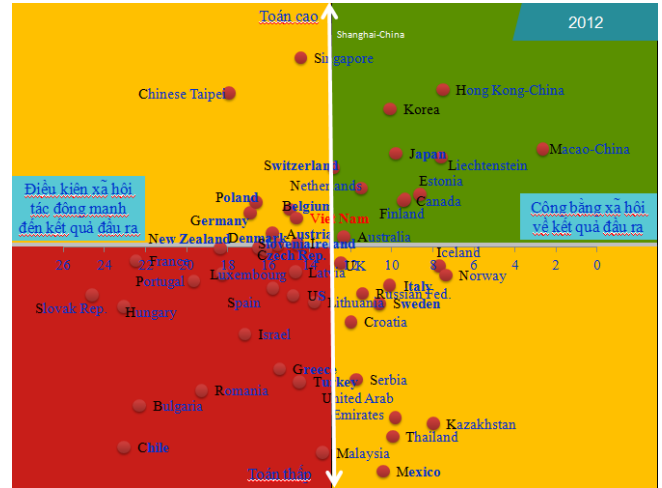
Thế giới đang bước vào thời kì toàn cầu hóa. Nền GD bất kì quốc gia nào cũng không thể đứng riêng lẻ mà phải hội nhập, không thể khép kín mà phải tương tác với môi trường quốc tế. Tư tưởng chủ đạo của UNESCO cho GD thế kỉ XXI là xây dựng bốn trụ cột: "Học để biết, học để làm việc, học để làm người, học để chung sống với nhau" và xây dựng nền GD: "Mọi người đều được học và học suốt đời". Dưới đây là sáu vấn đề GD cần giải quyết theo hướng mở, hội nhập quốc tế dựa theo tư tưởng này.

1/ Sự phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi mỗi quốc gia phải vừa nâng cao thành tích học tập, vừa đảm bảo sự công bằng cho tất cả người học

Ở những quốc gia mà nền tảng xã hội tác động mạnh đến thành tích học tập, nơi đó có sự bất công - những người học xuất thân từ hoàn cảnh khó khăn thường đạt kết quả thấp, dẫn đến cơ hội tìm việc làm bị hạn chế, thu nhập thấp, Những người có nền tảng xã hội tốt hơn, có điều kiện đạt kết quả cao hơn, dần có thu nhập cao hơn và khi ít có cơ hội GD, tiềm năng người học không được kích hoạt, bị lãng phí. Còn ở những quốc gia mà kết quả đầu ra ít bị phụ thuộc vào hoàn cảnh xã hội, nơi đó có sự công bằng hơn, mọi HS được thúc đẩy đến trường để phát triển tiềm năng là trọng yếu, không phải xuất phát từ nền tảng xã hội nào.

Hình 2 thể hiện mối quan hệ giữa kết quả 'Hiểu biết toán học' ở PISA 2012 và sự công bằng (ít chênh lệch

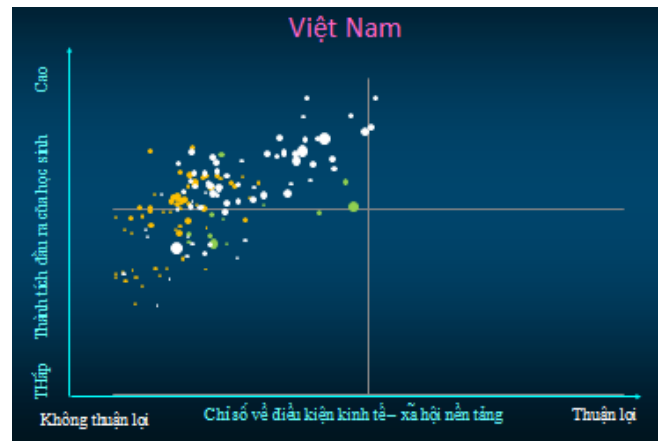
thành tích giữa hai nhóm có điều kiện sống thấp và cao). Những quốc gia ở góc phần tư thứ nhất (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Phần Lan, ...) vừa đạt thành tích cao vừa đảm bảo sự công bằng. Những quốc gia ở phần tư thứ ba (Hoa Kỳ, Luxembourg, Israel, Pháp, ...) vừa có thành tích thấp vừa có sự bất công. Việt Nam ở góc phần tư thứ hai, đạt thành tích cao nhưng vẫn có sự bất công.



(Nguồn: www.oecd.org)

Hình 2: Thành tích Toán PISA 2012 với sự công bằng GD

Có sự chênh lệch kết quả rõ rệt giữa hai nhóm học sinh Việt Nam có điều kiện sống không thuận lợi và thuận lợi (xem Hình 3).



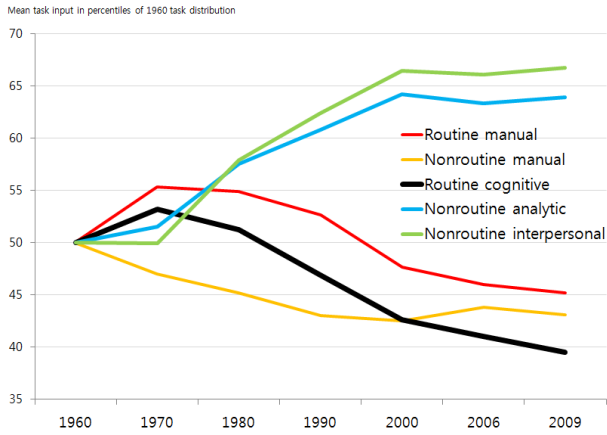
(Nguồn: www.oecd.org)

Hình 3: Tương quan giữa thành tích và điều kiện kinh tế - xã hội

2/ Những thay đổi công việc đòi hỏi GD phải phát triển các kỹ năng, năng lực cần thiết

Các công việc xã hội được phân chia thành hai nhóm 'thường xuyên' và 'phi thường xuyên'. Theo Autor, Brendan (2013), thị phần các nhiệm vụ phân tích và tương tác phi thường xuyên (là những công việc đòi

hỏi có sự tham gia của nhiều lĩnh vực chuyên môn và các kỹ năng giao tiếp phức tạp) tăng đều và nhanh, còn thị phần các nhiệm vụ nhận thức, thực hành thường xuyên giảm từ năm 1970 bởi chúng được chuyển thành chương trình hóa của máy vi tính (xem Hình 4).

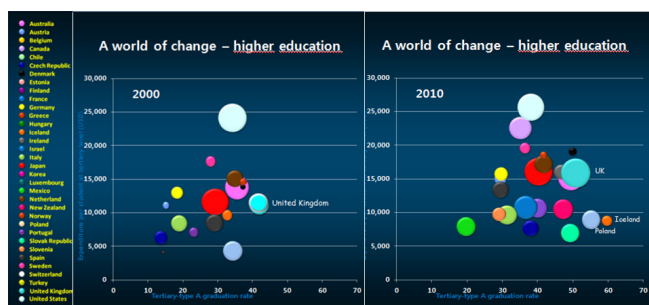


Hình 4: Xu hướng các công việc của thị trường lao động (Autor, David H. and Brendan M. Price. 2013)

Vì vậy, GD phải đào tạo hàng triệu người trở thành tác giả của những nội dung số hóa và tự động hóa, thiết kế nguồn học liệu mở trên mạng internet, phải chuẩn bị cho người học các kỹ năng thế kỉ XXI để họ có thể sống bình thường trong xã hội hiện đại.

3/ Sản phẩm GD không chỉ đáp ứng yêu cầu quốc gia mà cần hướng tới tiêu chuẩn quốc tế

Sản phẩm GD ở bất kì quốc gia nào đều có thể là công dân toàn cầu. Vì vậy, một số tiêu chuẩn chung về sự thành công của đổi mới GD được cộng đồng quốc tế công nhận như: Giảm khoảng cách thu nhập trong xã hội; tăng cơ hội tiếp cận GD cho mọi người, tăng chi phí GD cho người học; Tăng khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, cạnh tranh, thích ứng; Thúc đẩy người học vươn tới thành tích cao. Hình 5 mô tả một thay đổi của thế giới là tăng chi phí đào tạo một sinh viên làm gia tăng tỉ lệ tốt nghiệp loại A trong GD đại học năm 2000 và 2010. Từ đó, khuyến khích quốc gia tìm kiếm các nguồn tài trợ để cải thiện chất lượng GD.



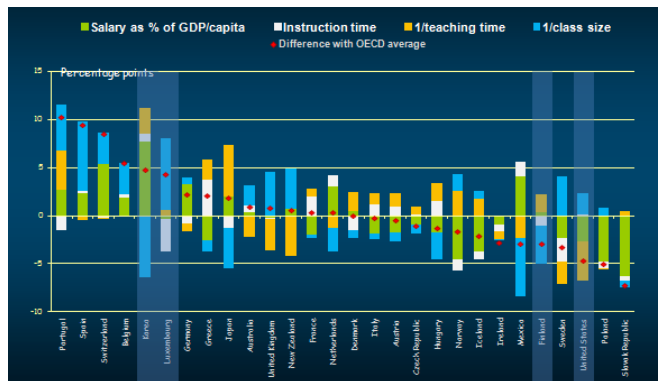
(Nguồn: Andreas Schleicher 2014)

Hình 5: Chi phí đào tạo và tỉ lệ tốt nghiệp hạng A

4/ Không phải nhiều tiền, lựa chọn chi tiêu phù hợp có thể nâng cao chất lượng

Mỗi quốc gia có cách phân bổ nguồn tài chính GD khác nhau, dẫn đến hiệu quả GD khác nhau. Hình 6 mô tả bức tranh chi tiêu ở bốn lĩnh vực (lương giáo viên (GV), kéo dài ngày học trong tuần, phát triển chuyên môn GV, và cỡ lớp) của một số nước. Mức 0 là giá trị trung bình của OECD, dấu chấm đỏ là tổng chi phí GD cho một người học, cột màu xanh lá cây là chi phí lương GV, màu trắng là chi phí cho các ngày học trong tuần, màu vàng là chi phí phát triển chuyên môn GV và màu xanh dương là chi phí cho quy mô lớp học.

Chi phí cho một học sinh (HS) Hàn Quốc không cao nhất, nhưng họ trả lương GV, chi phí cho thời gian học và phát triển nghề nghiệp GV cao nhất và để giảm chi phí họ giảng dạy ở lớp học quy mô lớn. Luxembourg chi phí cho một HS tương đương như Hàn Quốc nhưng họ chi lương GV ở mức trung bình, có ít ngày học ở trường và ít thời gian phát triển chuyên môn, mà phần lớn số tiền lại chi cho lớp học quy mô nhỏ. Hoa Kỳ và Phần Lan cũng có những tương phản như vậy. Kết quả đầu ra ở những quốc gia này rất khác nhau: Hàn Quốc và Phần Lan thuộc tốp cao, Luxembourg và Hoa Kỳ thuộc tốp dưới trung bình (xem Hình 6).



(Nguồn: www.oecd.org)

Hình 6: Phân bổ chi phí cho GD trung học ở một số quốc gia

5/ Thu hút, thúc đẩy và tạo cơ hội để người học đến trường, tạo niềm tin 'mọi trẻ em đều có thể đạt thành tích cao'

Chuẩn đầu ra GD và tiềm năng cá nhân nhìn chung là không đồng nhất. Vì vậy, kì vọng rằng, mọi người học đều đạt chuẩn đầu ra cùng một thời điểm là không tưởng. Tuy nhiên, bất kì cá nhân nào khi đến trường đều mong muốn mình được phát triển cho dù xuất phát điểm khác nhau. Nhà GD cần tạo niềm tin rằng, nhà trường sẽ giúp HS phát triển những tiềm năng sẵn có của mình. Niềm tin này luôn là yếu tố tác động đến hứng thú, động cơ và góp phần nâng cao thành tích học tập của họ. Hình 7 mô tả đường hồi quy thể hiện mối tương quan mạnh, cùng

chiều giữa niềm tin ‘mình sẽ đạt kết quả học tập cao’ với kết quả môn Toán PISA 2012.



(Nguồn: www.oecd.org)

Hình 7: Tương quan giữa niềm tin về kì vọng cao và kết quả thực tiễn

6/ Thay đổi nhanh về khoa học công nghệ đòi hỏi GD phải cung cấp môi trường học tập giàu công nghệ và dữ liệu

Các công nghệ mới có thể giúp người học điều khiển việc học của mình. Nhà trường và GV cần cung cấp môi trường giàu công nghệ để hỗ trợ học sinh học tập. Chẳng hạn như: Điện toán đám mây (Cloud Computing) là mô hình dịch vụ cho phép người dùng truy cập tài nguyên chung (mạng, server, lưu trữ tài liệu, ứng dụng, dịch vụ) thông qua kết nối mạng; Tối ưu hóa các thiết bị di động (điện thoại, laptop, Ipad...) thông qua các ứng dụng như “Maps deep space”; Sử dụng bổ sung sách điện tử, tạp chí điện tử, sách giáo khoa mở, sách giáo khoa số...; Thực hành thí nghiệm trong phòng thí nghiệm ảo, trực tuyến; ... (The New Media Consortium, 2013). GD cần cung cấp môi trường giàu dữ liệu để cải thiện chất lượng học tập và giám sát sự bất công trong kết quả đầu ra ở các cấp độ quốc gia, địa phương và nhà trường. Từ đó, có cách thức sử dụng dữ liệu đánh giá để lập kế hoạch can thiệp hiệu quả.

2.2. Đổi mới giáo dục Việt Nam theo hướng mở và hội nhập quốc tế

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương đưa ra hai giải pháp: “Hoàn thiện hệ thống GD quốc dân theo hướng hệ thống GD mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập”; “Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GD, đào tạo”. Dưới đây tóm lược hạn chế của hệ thống cũ, yêu cầu mới và định hướng giải quyết định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm chiều theo hai giải pháp nêu trên.

Một là, hoàn thiện hệ thống GD quốc dân theo

hướng mở và hội nhập quốc tế

Hệ thống GD hiện nay còn hạn chế là: Tương đối khép kín, thiếu gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động; Chưa có khung trình độ quốc gia; Thiếu tính liên thông giữa các cấp, bậc trình độ đào tạo, giữa GD chính quy với GD thường xuyên; Chưa tạo thuận lợi phân luồng sau Trung học cơ sở (THCS), sau Trung học phổ thông (THPT); ...

Hệ thống GD mở và hội nhập quốc tế cần: Tương tác với môi trường; Thúc đẩy liên thông, phân luồng, phân tầng bảo đảm tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế.

Định hướng giải quyết: Tăng cường tương tác giữa GD với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... thông qua việc gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và thiết lập hệ thống phản hồi để giám sát chất lượng GD; Xây dựng khung trình độ quốc gia tương thích với tiêu chuẩn khu vực và thế giới; Xây dựng chương trình GD, đào tạo bảo đảm liên thông giữa các cấp học, bậc trình độ đào tạo; Đàm phán để công nhận văn bằng, chuyển đổi tín chỉ giữa các nước trong khu vực và thế giới; Thực hiện GD cơ bản và GD sau cơ bản, tạo cơ sở cho phân luồng sau THCS và THPT; Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở GD để: Thu hút trẻ đến trường, phổ cập mẫu giáo 5 tuổi, triển khai dạy học cả ngày ở tiểu học, thực hiện phân hóa sâu ở THPT, phù hợp với chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, các bậc trình độ đào tạo và vùng kinh tế - xã hội; Phân loại các cơ sở GD đại học theo hướng nghiên cứu, ứng dụng và thực hành; Quy hoạch lại các trường sư phạm bảo đảm thực hiện tốt việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng GV; Điều chỉnh thời gian đào tạo bảo đảm tiếp cận các thông lệ quốc tế.

Hai là, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí GD để đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng hội nhập

Ở các cơ sở GD hiện vẫn phổ biến một số hạn chế: Quản lí trường, lớp chủ yếu khép kín; Chỉ sử dụng chương trình, sách giáo khoa quốc gia, chưa biết cách phát triển chương trình nhà trường và chương trình giảng dạy; Tương tác trong môi trường chủ yếu là một chiều; Không thường xuyên ứng dụng ICT và cũng chưa biết cách vận dụng hiệu quả vào giảng dạy; Chưa biết cách thiết kế hoạt động dạy học và đánh giá phát triển năng lực; Chưa tạo được môi trường hợp tác chuyên môn có hiệu quả giữa các cơ sở GD, giữa các địa phương và càng hiếm những liên kết, hợp tác quốc tế.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí GD trong giai đoạn mới cần: Quản lí trường, lớp theo hướng mở; Thiết kế chương trình nhà trường, chương trình giảng dạy phát triển các kĩ năng thế kỉ XXI; Thiết lập môi trường GD mở, giàu công nghệ; Dạy học và đánh giá phát triển năng lực người học; Phát triển chuyên môn trong môi trường mở.

Định hướng giải quyết: Xây dựng chuẩn nhà giáo và chuẩn hiệu trưởng theo hướng tuân thủ những tiêu

chuẩn quốc tế cơ bản; Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý theo bậc trình độ đào tạo của khung trình độ quốc gia, theo chuẩn nhà giáo và chuẩn hiệu trưởng; Điều chỉnh, bổ sung chính sách lương theo hướng gắn với chất lượng công việc; Bảo đảm công bằng về cơ hội tuyển dụng, sử dụng và phát triển nghề nghiệp; Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn cho GV, nhân viên, cán bộ quản lý GD ở GD mầm non, GD phổ thông; Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở GD nghề nghiệp và GD đại học; Nâng cao khả năng liên kết, hợp tác phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV, giảng viên giữa các cơ sở GD, giữa các địa phương, khuyến khích với khu vực và thế giới; Giám sát và đánh giá chất lượng, hiệu quả quản lý, giảng dạy phát triển năng lực cho người học.

Ba là, đổi mới chương trình GD, đào tạo theo hướng phát triển năng lực

Hầu hết các chương trình GD, đào tạo hiện đang bộc lộ một số hạn chế cơ bản như: Chuẩn đầu ra chưa đáp ứng nhu cầu xã hội và tiêu chuẩn quốc tế; Chưa quan tâm đúng mức đến GD lí tưởng, đạo đức, phẩm chất và trách nhiệm công dân trong bối cảnh toàn cầu; Tập trung trang bị các kiến thức, kĩ năng hàn lâm, không phải kĩ năng, năng lực sống và làm việc; Phương thức giảng dạy, đánh giá tập trung vào học nội dung, không phải sự phát triển năng lực cho người học.

Để chuẩn bị tâm thế cho người học tham gia thị trường lao động trong bối cảnh toàn cầu hóa, chương trình GD và đào tạo cần: Tập trung phát triển các kĩ năng, năng lực thế kỉ XXI, nhất là các kĩ năng học tập và làm việc đa quốc gia; Phát huy những phẩm chất tốt đẹp để nâng cao vị thế Việt Nam trên quốc tế.

Định hướng giải quyết: Xây dựng chuẩn đầu ra các cấp học, bậc trình độ đào tạo và ngành, nghề phù hợp với khung trình độ quốc gia tương thích với tiêu chuẩn quốc tế; Chú trọng GD lí tưởng, đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu. Tập trung phát triển những kĩ năng, năng lực thế kỉ XXI, nhấn mạnh các kĩ năng học tập suốt đời, kĩ năng sống và làm việc đa quốc gia, kĩ năng giải quyết vấn đề trong thế giới hội nhập; Duy trì các nội dung dạy học truyền thống có giá trị và phù hợp, bổ sung những nội dung cần thiết khi hội nhập quốc tế; Tiếp cận giảng dạy lấy người học làm trung tâm, kiến tạo, học cách học... và tạo điều kiện để người học được phát triển tiềm năng sẵn có; Thay đổi sâu sắc quan điểm "sử dụng đánh giá như là công cụ giảng dạy và học tập"; Gắn kết đánh giá trên lớp, thi quốc gia, đánh giá trên diện rộng theo hướng đo lường sự phát triển năng lực người học.

Bốn là, tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập

Những hạn chế cơ bản của nguồn nhân lực qua đào tạo là: Số lượng, chất lượng và quy mô đào tạo (theo cơ

cấu ngành nghề và phân bố vùng, miền, địa phương...) chưa đồng bộ, chưa thực sự phù hợp với nhu cầu xã hội; Số lượng nhân lực chất lượng cao và công nhân lành nghề còn rất thiếu; Năng lực thực hành, thích nghi, cạnh tranh, hợp tác, sử dụng ngoại ngữ còn rất hạn chế; Tính chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm công việc vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu quốc tế;...

Trong bối cảnh Việt Nam tham gia nhiều tổ chức WTO, AFTA, TPP, ..., nguồn nhân lực nước ta cần có khả năng: Thích ứng và tự tạo cơ hội phát triển với sự biến động của kinh tế, tài chính, thị trường lao động, phát triển công nghệ giữa các khu vực; Tham gia quá trình làm việc và vận hành của các công ty xuyên quốc gia; Tham gia lao động ở thị trường có sự cạnh tranh cao trong nước cũng như nước ngoài; Hợp tác xuyên biên giới để giải quyết những vấn đề mang tính khu vực, toàn cầu;...

Định hướng giải quyết: Điều chỉnh, bổ sung những quy định về đào tạo nhân lực bảo đảm tương thích với quy định chung khu vực và thế giới; Triển khai đào tạo theo mô hình GD mở, dựa theo khung trình độ quốc gia, chuẩn đầu ra và phù hợp với quy hoạch nguồn nhân lực quốc gia, địa phương; Ưu tiên đầu tư phát triển một số trường đại học và ngành đào tạo chất lượng cao; Tập trung phát triển theo phát triển năng lực thực hành, thích nghi, cạnh tranh, hợp tác; Tăng cường tổ chức hội thảo khoa học, liên kết đào tạo với các tổ chức quốc tế; Thúc đẩy và nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học tập và làm việc (Chuẩn hóa theo khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc, triển khai chương trình tiếng Anh 10 năm, xây dựng và thực hiện chương trình ngoại ngữ ở GD nghề nghiệp và GD đại học theo khung 6 bậc).

Năm là, đổi mới công tác quản lý GD theo hướng mở và hội nhập quốc tế

Công tác quản lý GD có một số hạn chế cơ bản sau: Phân định chưa rõ ràng chức năng quản lý nhà nước với quản trị cơ sở; Chưa phát huy hiệu lực chương trình GD và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong quản lý; Chưa được hoàn toàn chủ động trong quản lý nhân sự và tài chính; Chưa thực sự chú trọng đến điều kiện đảm bảo chất lượng cũng như công tác kiểm định chất lượng cơ sở GD, kiểm định chương trình GD; Mới bước đầu thử nghiệm cơ chế người học tham gia đánh giá người dạy; Chưa phát huy hiệu quả quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Trong bối cảnh GD mở và hội nhập, các cơ sở GD cần: Thực hiện tốt các chức năng quản lý nhà nước và quản trị nhà trường; Quản lý chất lượng GD theo đầu ra và theo các mô hình tiên tiến; Thiết lập mối quan hệ tương tác với môi trường; Giao quyền, nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chất lượng GD; ...

Định hướng giải quyết: Phân định rõ ràng công tác quản lý nhà nước với quản trị cơ sở GD; Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GD, trao

quyền tham gia quyết định nhân sự và tài chính; Tăng cường quản lý chất lượng theo mô hình quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và chuẩn đầu ra; Định kì kiểm định chất lượng cơ sở và chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định tương thích với khu vực hoặc thế giới, khuyến khích đăng kiểm ở các tổ chức quốc tế; Chú trọng thiết lập tương tác giữa cơ sở GD với môi trường bằng cách sử dụng nguồn tài nguyên (con người, tài chính, vật chất, thông tin) từ môi trường, đa dạng hóa quan hệ tương tác trong và ngoài trường học, thu thập phản hồi từ tất cả các mối quan hệ của cơ sở để giám sát sự tiến bộ của người học, sự phát triển chuyên môn của người dạy và tác động đến xã hội; Thử nghiệm chuyển đổi mô hình công lập sang mô hình do cộng đồng, doanh nghiệp quản lý và phát triển nhằm tiếp cận tốt hơn với thị trường.

Sáu là, tăng cường ứng dụng ICT trong quản lý GD và giảng dạy

Các cơ quan quản lý, cơ sở GD đều ứng dụng ICT trong quản lý và dạy học, tuy nhiên hạn chế là: Cơ sở hạ tầng ICT chưa được chuẩn hóa; Rất thiếu và không đồng bộ ở vùng khó khăn; Chưa biết cách vận dụng ICT để nâng cao chất lượng quản lý, dạy học.

Môi trường công nghệ trong GD, đào tạo cần: Đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về cơ sở hạ tầng, chính sách bản quyền, phương thức giao tiếp, dịch vụ trực tuyến, nguồn học liệu...; Sử dụng ICT và công nghệ hiện đại một cách hiệu quả vào quá trình cải cách hành chính, GD, giám sát và đánh giá chất lượng đầu ra.

Định hướng giải quyết: Nâng cấp hạ tầng mạng Internet cho nhu cầu khai thác, chia sẻ thông tin; Triển khai chính phủ điện tử; Cung ứng các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao; Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, quản lý công việc; Phát triển hệ thống đào tạo từ xa, nguồn học liệu kỹ thuật số, các phần mềm ứng dụng trong quản lý GD và dạy học; Xây dựng môi trường dạy học giàu công nghệ để thiết lập và truy cập nguồn tài nguyên dùng chung, nguồn học liệu mở trên mạng Internet; Tăng cường thực hành thí nghiệm trong phòng thí nghiệm ảo và trực tuyến;...

Bảy là, nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học theo hướng quốc tế

Hoạt động nghiên cứu khoa học hiện có những hạn chế cơ bản sau: Môi trường nghiên cứu chưa thực sự tạo thuận lợi cho việc hợp tác, cạnh tranh giữa các cá nhân hoặc tổ chức; Thiếu những nhà khoa học đầu ngành, có tầm cỡ khu vực và thế giới; Tài trợ nghiên cứu của nhà nước còn dàn trải, chưa chú trọng chất lượng nghiên cứu ở tầm quốc tế; Không có cơ chế và ngân sách để tổ chức liên kết, hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học; Chưa chú trọng đầu tư công sức và tài chính cho các công trình nghiên cứu cơ bản, và nghiên cứu định hướng phát triển dài hạn của ngành GD.

Công tác nghiên cứu khoa học trong bối cảnh toàn cầu

hóa cần đáp ứng: Môi trường nghiên cứu và phương thức quản lý hoạt động nghiên cứu chuẩn hóa, tạo thuận lợi cho việc hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; Đủ tiềm lực để tổ chức hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, hoặc thử nghiệm các vấn đề GD toàn cầu; Gắn kết các kết quả nghiên cứu khoa học GD với cải cách GD và cải thiện chất lượng GD.

Định hướng giải quyết: Thể chế hóa môi trường nghiên cứu khoa học bảo đảm tương tác, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; Điều chỉnh tiêu chí đánh giá đề tài theo hướng đặt trọng số cao hơn cho thành tích khoa học và chất lượng bài báo quốc tế; Tập trung tài trợ nghiên cứu có trọng tâm, trọng điểm, quản lý hoạt động nghiên cứu theo mô hình Quỹ NAFOSTED; Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho các tổ chức khoa học công nghệ, đặc biệt là ở các đơn vị quốc gia và trường đại học; Chú trọng phát triển đội ngũ cốt cán ở từng lĩnh vực nghiên cứu; Xây dựng cơ chế hỗ trợ, thu hút các nhà khoa học quốc tế để tư vấn, nghiên cứu, giảng dạy tại Việt Nam; Triển khai hiệu quả chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học GD và xây dựng một số chương trình nghiên cứu quốc gia khác theo xu thế quốc tế.

Tám là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đổi mới GD

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo trong hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh công tác thông tin và truyền thông để nâng cao nhận thức về vai trò cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực.

- Cấp ủy và lãnh đạo các cơ sở GD chủ động lập kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ đổi mới nói trên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đơn vị mình.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp cả hệ thống chính trị: Các bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đặt hàng, cung cấp các nguồn lực (con người, tài chính, vật chất, dữ liệu về nhu cầu, cơ cấu ngành nghề,...) cho GD; Mỗi cơ sở GD tổ chức các hoạt động GD, đào tạo dưới sự giám sát chặt chẽ của xã hội; Sử dụng, hỗ trợ, tạo điều kiện để nhân lực qua đào tạo phát huy khả năng, tạo nên những tác động tích cực đến xã hội...

3. Kết luận

Để chuẩn bị tâm thế cho con người Việt Nam trong giai đoạn tới, đổi mới GD theo hướng mở và hội nhập quốc tế là cần thiết. Giải pháp này đang được triển khai với những vấn đề cơ bản sau:

- Hoàn thiện hệ thống GD quốc dân để bảo đảm sự tương tác giữa GD với môi trường, phát triển khung trình độ quốc gia tương thích với khu vực và thế giới, tạo thuận lợi cho phân luồng sau THCS, THPT và liên thông giữa các cấp, bậc học.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học bằng cách phát triển đội ngũ chuyên gia cốt cán cho từng lĩnh vực khoa học, thể chế hóa môi trường nghiên cứu khoa học bảo đảm tương tác, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh và có chất lượng cao.

- Xây dựng chương trình GD bảo đảm hội nhập quốc tế bằng cách: tập trung phát triển những kỹ năng thế kỷ XXI, nhân mạnh năng lực làm việc đa quốc gia và giải quyết vấn đề đa cực, kỹ năng học cách học, ...

- Đổi mới trường học theo hướng mở ở 5 yếu tố, sử dụng các nguồn lực từ môi trường, đa dạng hóa sự tương tác trong quá trình GD, xác định sự tiến bộ của người học và tác động của họ đến môi trường cũng như

góp phần nâng cao năng lực cho nhà trường thông qua hệ thống phản hồi hiệu quả.

- Đổi mới tài chính GD theo hướng: Tăng đầu tư toàn xã hội vào hệ thống GD từ ngân sách và đóng góp xã hội; Tăng cường các chương trình học bổng và cho vay tín dụng đối với HS nghèo; Tăng nguồn tài trợ nghiên cứu khoa học nhà trường; Tăng quyền tự chủ tài chính gắn với minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Lời cảm ơn: Tác giả cảm ơn sự tài trợ của Chương trình Khoa học GD Quốc gia (Mã số KHGD/16-20) thông qua đề tài “Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương” (Mã số KHGD/16-20.ĐT.013).

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương, (04/11/2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [2] Đổi mới giáo dục, (2005), *Tổng kết nghiên cứu về phương hướng cải cách đại học ở Việt Nam*
- [3] Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2016), *Việt Nam 2013, Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ*, NXB Hồng Đức.
- [4] Quốc hội, (2014), *Luật Giáo dục Nghề nghiệp*.
- [5] Andreas Schleicher, (2014), *Ten things policymakers should know about learning goals and assessment*, 4th READ Global Conference, Russian.
- [6] Autor David H., Levy Frank and Murnane Richard J, (November 2003), *The Skill Content of Recent Technological Change: An empirical exploration*, © 2003 by the President and Fellows of Harvard College and the Massachusetts Institute of Technology, The Quarterly Journal of Economics.
- [7] Autor, David H. - Brendan M. Price, (June 2013), *The Changing Task Composition of the US Labor Market: An Update of Autor, Levy, and Murnane*, MIT Mimeo-graph.
- [8] Eric A. Hanushek Stanford University, (2009), *Learning Outcomes and Economic Growth*, First READ Global Conference, Liên bang Nga.
- [9] Fred C. Lunenburg, (2010), *School as open system*. Schooling volume 1, number 1, Sam Houston State University.
- [10] Janet W. Looney, (2009), *Assessment and Innovation in Education*, OECD Education Working Papers, No. 24, OECD Publishing.
- [11] <http://dx.doi.org/10.1787/222814543073>.
- [12] John J. Cogan, (1997), *Multi-dimensional Citizenship: Educational Policy for the Twenty-first Century*.
- [13] Pacita I. Habana, (1993), *Building Scenarios for Education in Southeast Asia*, INNTECH.
- [14] The New Media Consortium, (2013), *Horizon Report: 2013 K-12 Edition* estimates that within the next 12 months, cloud computing will become an integral part of K-12 education.

EDUCATION REFORM TOWARDS OPENNESS AND INTERNATIONAL INTEGRATION

Nguyễn Thị Lan Phương

Email: lanphuongvkhgdvn@gmail.com
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *In the trend of globalization, any education system cannot stand alone but must integrate, cannot be closed but must interact with the international environment. UNESCO's guiding ideology is to build four pillars "Learning to know, Learning to do, Learning to Live and Learning to Be" and building an education "All people can learn and learn for life". Renovating education and training in the direction of openness and international integration has been implemented by the education sector as follows: Completing the national education system towards openness and international integration; capacity building of teachers and administrators; renovating educational programs towards capacity development; focusing on training human resources, especially high-quality human resources to meet the requirements of international integration; renovating educational management in the direction of openness and international integration; strengthening the application of ICT in educational management and teaching; improving the quality and effectiveness of educational scientific research according to international standards; as well as enhancing the management of education under the leadership of the Party and the State.*

KEYWORDS: Open education, international integration, international integration in education, education innovation.